

Số: 265 /QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2017  
của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các sở, ban, ngành  
và UBND các huyện, thành, thị của tỉnh Vĩnh Phúc.**

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28 /12/2016 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 19/7/2014 của HĐND tỉnh về thông qua Chương trình cải cách hành chính tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 52/TTr-SNV ngày 31/01/2018 về việc công bố xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành, thị của tỉnh Vĩnh Phúc (*kèm theo các phụ lục*) như sau:

1. Xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Phụ lục 1.

2. Xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành: Phụ lục 2.

3. Xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của UBND các huyện, thành, thị: Phụ lục 3.

**Điều 2.** Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ kết quả xếp hạng Chỉ số đánh giá cải cách hành chính năm 2017 để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhằm duy trì, cải thiện nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong những năm tiếp theo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nội vụ
- TTTU, TTHĐND, ĐĐBQH tỉnh (b/c);
- CT (B/c);
- Các PCT, CPVP;
- UBMT TQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Như điều 3 (th/h);
- Báo VP, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Vũ Việt Văn**

**Phụ lục 1**

**XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017 CỦA  
CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 265 /QĐ-UBND ngày 31/01/2018  
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

<b>STT</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Điểm đánh giá trực tiếp</b>	<b>Điểm ĐT XHH</b>	<b>Tổng điểm và xếp hạng năm 2017 (từ 01 đến 07)</b>
1	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	47,75	42,57	90,32
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	48,50	41,58	90,08
3	Công an tỉnh	48,75	41,14	89,89
4	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	47,75	41,75	89,50
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh	47,00	41,34	88,34
6	Chi cục Hải quan tỉnh	46,25	40,29	86,54
7	Cục Thuế tỉnh	39,00	40,13	79,13

**Phụ lục 2**  
**XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017 CỦA CÁC**  
**SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH VĨNH PHÚC**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 31/01/2018*  
*của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

<b>STT</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Điểm đánh giá trực tiếp</b>	<b>Điểm ĐTXHH</b>	<b>Tổng điểm và xếp hạng năm 2017 (từ 01 đến 20)</b>
1	Sở Thông tin và Truyền thông	49,00	42,47	91,47
2	Sở Nội vụ	48,25	42,66	90,91
3	Sở Tư pháp	47,75	43,13	90,88
4	Sở Tài chính	47,50	43,25	90,75
5	Sở Khoa học và Công nghệ	48,00	42,31	90,31
6	Sở Xây dựng	48,50	40,77	89,27
7	Sở Công thương	46,75	42,49	89,24
8	Sở Lao động TB&XH	48,25	40,94	89,19
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	47,25	41,18	88,43
10	Sở Y tế	46,25	41,91	88,16
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	45,50	42,53	88,03
12	Sở Giao thông vận tải	46,75	41,15	87,90
13	Sở Ngoại vụ	47,25	40,63	87,88
14	Văn phòng UBND tỉnh	46,50	41,35	87,85
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	45,25	42,50	87,75
16	Ban Dân tộc	47,50	39,90	87,40
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp	48,00	39,20	87,20
18	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	47,25	39,82	87,07
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	47,25	39,31	86,56
20	Thanh tra tỉnh	45,50	40,37	85,87

**Phụ lục 3**  
**XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017**  
**CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ TỈNH VINH PHÚC**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 265 /QĐ-UBND ngày 31 /01/2018*  
*của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

<b>STT</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Điểm đánh giá trực tiếp</b>	<b>Điểm ĐTXHH</b>	<b>Tổng điểm và xếp hạng năm 2017 (từ 01 đến 09)</b>
1	Huyện Yên Lạc	47,50	41,41	88,91
2	Huyện Vĩnh Tường	47,00	41,57	88,57
3	Huyện Tam Đảo	47,75	40,73	88,48
4	Huyện Bình Xuyên	45,00	43,37	88,37
5	Thị xã Phúc Yên	46,50	40,76	87,26
6	Huyện Lập Thạch	45,00	42,13	87,13
7	Huyện Tam Dương	47,00	39,83	86,83
8	Thành phố Vĩnh Yên	45,50	40,25	85,75
9	Huyện Sông Lô	43,50	40,58	84,08